TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 6 - 2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Ông Lương Xuân Hiểu.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: phố KC, phường PHT, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: phố KC, phường PHT, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị M) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TP, thị xã HD, tỉnh Hải Dương (nay là phường TP, thành phố HD, tỉnh Hải Dương), vào ngày 20 tháng 01 năm 1983.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục được nên bà đã rời khỏi nhà ra sống riêng đến nay đã được hơn 3 (ba) năm. Hai bên ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau.

Xét thấy vợ chồng thực sự không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983, hiện đã trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên bà M không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là ông Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án số: 126/TB-TLVA, ngày 27/12/2017 để bị đơn thực hiện việc trình bày bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã hai lần tiến hành triệu tập (vào các ngày 19/01/2018 và 26/02/2018), hai lần thông báo phiên hòa giải (vào các ngày 28/3/2018 và 03/5/2018) và tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi bản tự khai đến Tòa án và cũng không có mặt tại các phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn (ông T) vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có một con đã trên 18 tuổi và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TP, thị xã HD, tỉnh Hải Dương (nay là phường TP, thành phố HD, tỉnh Hải Dương), vào ngày 20 tháng 01 năm 1983.

Theo nguyên đơn là bà Mùi trình bày: Quá trình bà M và ông T chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống. Bà M và ông T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ hơn 3 (ba) năm trở lại đây, không còn quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Đối với bị đơn (ông T): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án số: 126/TB-TLVA, ngày 27/12/2017 để bị đơn thực hiện việc trình bày bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không gửi bản tự khai đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tiến hành triệu tập (vào các ngày 19/01/2018 và 26/02/2018), hai lần thông báo phiên hòa giải (vào các ngày 28/3/2018 và 03/5/2018) và tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải để tham gia hòa giải. Điều này chứng minh ông T không có thiện chí muốn cải thiện quan hệ vợ chồng và cũng chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hai bên đã tự sống ly thân chấm dứt quan hệ, trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau từ hơn 03 (ba) năm trở lại đây. Do vậy việc bà M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M; xử bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983, hiện đã trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên bà M không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà M yêu cầu được tự phân chia tài sản, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M;

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có một con là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983, hiện đã trên 18 tuổi.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2014, số 0007641, ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường TP, tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Kiên